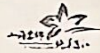


10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

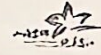


Date
2026.8.23

Group
G8
Round
3
Board
1

WHITE Zheng Jintian						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Wu Shihua						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	b3	e5	21	Nb5	Rfc8	41	Qe7	Re7	61		
2	Bb2	d4	22	e4	Be8	42	Ne7	Re8	62		
3	e3	g6	23	Re1	h6	43	Ng6	Kf7	63		
4	Nf3	Bg7	24	g3	Kh7	44	Re8	Kg6	64		
5	c4	Nc6	25	Bg2	Kg8	45	g4	b5	65		
6	d4	e4	26	t4	Kh7	46	Re7	bc	66		
7	Nfd2	Ngel	27	Bal	Kg8	47	Reb6		67		
8	Ne4	f5	28	Nf3	Ra8	48			68		
9	iv93	Bd7	29	Rel	Kh7	49			69		
10	Be2	0-0	30	~~Re1~~	~~Ng6~~	50			70		
11	0-0	Be8	31	~~Re1~~	~~Ng6~~	51			71		
12	Bf3	Bf7	32	~~Re1~~	Nf5	52			72		
13	Nc3	a6	33	Bh3	Kg8	53			73		
14	Roc1	Rb8	34	Nf5	g4	54			74		
15	Qe2	Qe8	35	Bf5	Qd8	55			75		
16	Rfd1	Qd7	36	Bc8	Rc8	56			76		
17	Nf1	Kth8	37	Bg7	Kg7	57			77		
18	Nd2	Kg8	38	Nh4	Qf6	58			78		
19	a3	a5	39	Nf5	Kf8	59			79		
20	Qd3	b6	40	Re1	Bg6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zheng Jintian			Wu Shihua			S91					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.23

Group
G8
Round
13
Board
1

WHITE Zheng Jintian						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Wu Shihua						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	b3	e5	21	Nb5	Rfc8	41	Qe7	Re7	61		
2	Bb2	d4	22	e4	Be8	42	Ne7	Re8	62		
3	e3	g6	23	Re1	h6	43	Ng6	Kf7	63		
4	Nf3	Bg7	24	g3	Kh7	44	Re8	Kg6	64		
5	c4	Nc6	25	Bg2	Kg8	45	g4	b5	65		
6	d4	e4	26	f4	Kh7	46	Rse7	bc	66		
7	Nfd2	Ngel	27	Bal	Kg8	47	Rle6		67		
8	Ne4	f5	28	Nf3	Ra8	48			68		
9	Nb3	Bd7	29	Re2	Kh7	49			69		
10	Be2	0-0	30	a5	Nb7	50			70		
11	0-0	Be8	31	Nbd4	fe	51			71		
12	Bf3	Bf7	32	Ge4	Nf5	52			72		
13	Nc3	a6	33	Bh3	Kg8	53			73		
14	Re1	Rb8	34	Nf5	g4	54			74		
15	Qe2	Qe8	35	Bf5	Qd8	55			75		
16	Rfd1	Qd7	36	Bc8	Rc8	56			76		
17	Nf1	Kth8	37	Bg7	Kg7	57			77		
18	Nd2	Kg8	38	Nh4	Qf6	58			78		
19	a3	a5	39	Nf5	Kf8	59			79		
20	Qd3	b6	40	Re1	Bg6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zheng Jintian			Wu Shihua			S91					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 823

Group 48
Round 2

WHITE zha Yunxi						FED CHN		RESULT (W) 0			
BLACK 周子心						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	c3	Rf08	41	~~Ld1~~	~~f6~~	61		
2	Nf3	d5	22	Qc2	Rd1	42			62		
3	Nc3	c5	23	Rd1	Qd5	43			63		
4	d4	Nc6	24	Kc1	Qg2	44			64		
5	exd	exd	25	Rd1	Qc6	45			65		
6	cd	d4	26	kb2	b5	46			66		
7	Nb5	ab	27	Rd4	c5	47			67		
8	Nbd4	Bc5	28	Qd3	Rg8	48			68		
9	Be3	Qb6	29	Rh4	Ng6	49			69		
10	b3	Bb4	30	~~E4~~	d4	50			70		
11	Bd2	Nd4	31	c4	Qf6	51			71		
12	nd4	Qd4	32	Kc2	Qf2	52			72		
13	Qe2	Ne7	33	Qxb	Re2	53			73		
14	Rd1	Bd2	34	Rd5	Rd2	54			74		
15	Rd2	Qa1	35	Rd2	Qf5	55			75		
16	Rd1	Qa2	36	Rd3	Ne5	56			76		
17	Qd3	Bf5	37	k b1	Qd2	57			77		
18	Qd4	O-O	38	Ka2	a4	58			78		
19	Bd3	Bd3	39	bca	Nc4	59			79		
20	Qd3	Qa5	40	ka1	Qa3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
zha Yunxi			zhou yixin			S9h					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 823

Group G-8
Round 3
Board 2

WHITE zha Yunxi						FED CHN		RESULT (W) 0			
BLACK 周子心						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	c3	Kf3	41	Kd1	Qb2	61		
2	Nf3	d5	22	Qc2	Rd1	42			62		
3	Nc3	c5	23	Kd1	Qd5	43			63		
4	d4	Nf6	24	Kc1	Qb2	44			64		
5	exd	exd	25	Rd1	Qf6	45			65		
6	dc	d4	26	Kb2	b5	46			66		
7	Nb5	a6	27	Rd4	Nb5	47			67		
8	Nxd4	Bxc5	28	Qd3	Rg8	48			68		
9	Be3	b7	29	Rh4	Ng6	49			69		
10	b3	Bb4	30	Rh5	b5	50			70		
11	Bd2	Nd4	31	c4	Qf6	51			71		
12	Na4	Qd4	32	Qf2	Qf2	52			72		
13	Rd1	Ne7	33	Qxb	Re2	53			73		
14	Rd1	Bd2	34	Rd5	Rd2	54			74		
15	Rd2	Qa1	35	Rd2	Qf5	55			75		
16	Rd3	Kb2	36	Kb2	Qa3	56			76		
17	Qd3	Bf5	37	Kb1	Qd2	57			77		
18	Qd4	Rd3	38	bca	Qd4	58			78		
19	Bd3	Bd3	39	bca	Nc5	59			79		
20	Qd3	Qa5	40	ka1	Qb6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
zha Yunxi			zhou yixin			S9h					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.23

Group
G-8
Round
3

Board
3

WHITE Guo, Hezi						FID CHN		RESULT(W)		1	
BLACK Margad-Erdene A.						FID MGL		RESULT(B)		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	f5	21	Ba4	hcs	41	Ra1	gxc4	61		
2	c4	hcs	22	acs	hcs	42	g4	Kcs	62		
3	g3	g3	23	hcs	hcs	43	hcs	Kcs	63		
4	g4	g4	24	hcs	hcs	44		Kcs	64		
5	hcs	0-0	25	hcs	hcs	45	Kcs	Rcs	65		
6	hcs	0-0	26	hcs	hcs	46	Rcs	Kcs	66		
7	0-0	hcs	27	hcs	hcs	47			67		
8	g5	cs	28	hcs	hcs	48			68		
9	de	Be6	29	hcs	hcs	49			69		
10	hcs	cs	30	hcs	hcs	50			70		
11	hcs	cs	31	hcs	hcs	51			71		
12	hcs	cs	32	hcs	hcs	52			72		
13	hcs	cs	33	hcs	hcs	53			73		
14	hcs	hcs	34	hcs	hcs	54			74		
15	hcs	hcs	35	hcs	hcs	55			75		
16	hcs	hcs	36	hcs	hcs	56			76		
17	hcs	hcs	37	hcs	hcs	57			77		
18	hcs	hcs	38	hcs	hcs	58			78		
19	hcs	hcs	39	hcs	hcs	59			79		
20	hcs	hcs	40	hcs	hcs	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Guo, Hezi						SIGNATURE (BLACK) Margad-Erdene A.					
						SIGNATURE (ARBITER) JPM					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.23

Group
G-8
Round
3

Board
3

WHITE Guo, Hezi						FID CHN		RESULT(W)		1	
BLACK Margad-Erdene Amgalansuuri						FID MGL		RESULT(B)		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	f5	21	Bf4	Ncs	41	Ncs	Kcs	61		
2	c4	Ncs	22	Be3	Ncs	42	Rf6	Kcs	62		
3	g3	g6	23	Rab1	Kcs	43	Rcs	Ncs	63		
4	Bg2	Bg7	24	Bf4	Kf7	44	Rd6	Kcs	64		
5	Ncs	0-0	25	Bd6	Rcs	45	Rcs	Kcs	65		
6	Nf3	Qcs	26	Ncs	Rcs	46	Rd7	Kcs	66		
7	0-0	d6	27	Ncs	Rcs	47	Bd6	Kcs	67		
8	d5	cs	28	Ba3	Rcs	48	Rcs		68		
9	de	Be6	29	Ncs	Rcs	49			69		
10	Nd4	cs	30	Rd7	Kf6	50			70		
11	Ncs	cs	31	Rd6	Kcs	51			71		
12	Bb7	Bcs	32	fcs	Kcs	52			72		
13	Be3	Be2	33	Rcs	Kcs	53			73		
14	Qcs	Ncs	34	Ncs	Rcs	54			74		
15	Be3	fe	35	Rcs	Bf6	55			75		
16	Be3	cs	36	Rcs	Kcs	56			76		
17	Qcs	h5	37	Ncs	Kcs	57			77		
18	Qcs	Kcs	38	Qcs	C3	58			78		
19	Qcs	Rcs	39	Rcs	Kf7	59			79		
20	Rfd1	Nd7	40	Ncs	Kcs	60			80		
SIGNATURE (WHITE) Guo, Hezi						SIGNATURE (BLACK) Margad-Erdene Amgalansuuri					
						SIGNATURE (ARBITER) JPM					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
20 Aug 2026Group
A08Round
3/9Board
4

WHITE Syrle Tay Sin En ♥						FED SGP			RESULT(W) 0		
BLACK Wang Yingluo						FED CHN			RESULT(B) 1		
#	me WHITE	BLACK	#	me WHITE	BLACK	#	me WHITE	BLACK	#	me WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bg5	Ne4	41	Rd3	Rc3	61	fxc6	Ke7
2	Nf3	Nc6	22	Bf4	~~Rac8~~	42	Rd1	Rc2	62	Ka2	Qg2#
3	c3	d5	23	f3	Nf6	43	Rb1	Kc7	63		
4	Bd3	Nf6	24	Re5	Nd7	44	Kf1	Ke7	64		
5	e5	Ng4	25	Rg5	f6	45	Ke1	Rxg2	65		
6	Qe2	c4	26	Rg3	Kf7	46	Rb3	Ra2	66		
7	Bd2	Qc7	27	Rd1	^{Nb6} Rh3	47	Kd1	Rxa4	67		
8	d4	cxd4	28	Rh3	Bd6	48	Kc2	Ra2	68		
9	Bxd3	Nxe5	29	Nc4	Bb4	49	Kb1	Rxh2	69		
10	Nxe5	Qxe5	30	Nxb2	Rb1	50	f4	h5	70		
11	Qxe5	Nxe5	31	Na4	Bd6	51	Rg3	Kf7	71		
12	Bb5	Bd7	32	b5	Bb4	52	Rg1	a4	72		
13	Bxd7	Nxd7	33	Nxb3	Bxc3	53	Ka1	h4	73		
14	O-O	e6	34	Rxc3	Rg3	54	Kb1	h3	74		
15	Bf4	Be7	35	g6	a4	55	Ka1	Rg2	75		
16	Na3	a6	36	Rh3	Kg7	56	Rh1	h2	76		
17	Nc2	O-O	37	Rb4	Rc4	57	f5	Rg1	77		
18	Rfe1	Bc5	38	Rh4	Rxh4	58	Kb2	Rxh1	78		
19	Ne3	Bxe3	39	Rxh4	b4	59	Ka2	Rc1	79		
20	Rxe3	Nf6	40	Rd4	a5	60	Kb2	h1=Q	80		
SIGNATURE (WHITE) Syrle			SIGNATURE (BLACK) Wang Yingluo			SIGNATURE (ARBITER) S96					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
20/8/28Group
G088Round
7Board
4

WHITE Tay Sin En Syne						FED SGP			RESULT(W) 0		
BLACK Wang Yingluo						FED CHN			RESULT(B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bg5	Ne4	41	Rd4	a5	61	h1=Q	fe
2	Nf3	Nc6	22	Bf4	Rac8	42	~~Rd3~~	Rc5	62	Kc7	Ka2
3	c3	d5	23	f3	Nf6	43	ad1	Rc2	63	Qg2#	
4	Bd3	Nf6	24	Re5	Nd7	44	Rb1	Kf7	64		
5	e5	Ng4	25	Rg5	f6	45	Kf1	Ke7	65		
6	Qe2	c4	26	Rg3	Kf7	46	Ka1	Rg2	66		
7	Bc2	Qc7	27	Rd1	Nb6	47	Rb3	Ra2	67		
8	d4	cd	28	Rh3	Rh5	48	Kd1	Ra4	68		
9	~~Bxd3~~	Nge5	29	Bd6	Nc4	49	Kc2	~~Ra2~~	69		
10	Ne5	Qe5	30	Bb4	Nb2	50	Kb1	Rh2	70		
11	Qe5	Ne5	31	Rb1	Na4	51	f4	h5	71		
12	Bb5	Bd7	32	Bd6	b5	52	Rg3	Kf7	72		
13	Bd7	Nd7	33	Bb4	Mc3	53	Rg1	a4	73		
14	O-O	e6	34	Bc3	Rc3	54	~~Ka1~~	h4	74		
15	Bf5	Be7	35	Rg3	g6	55	Kb1	h3	75		
16	Na3	a6	36	a4	Rb8	56	Ka1	g2	76		
17	Nc1	O-O	37	Rh3	Kg7	57	Rh1	k2	77		
18	Rb1	Bc5	38	Rb4	Rc4	58	f5	Rg1	78		
19	Ne3	Be3	39	Rh4	Rh4	59	Rh1	Ka2	79		
20	Re3	Nf6	40	Rh4	b4	60	Rc1	Kb2	80		
SIGNATURE (WHITE) Syrle			SIGNATURE (BLACK) Wang Yingluo			SIGNATURE (ARBITER) S96					

1208



Date 8.22

Group	68
Round	3
Board	5

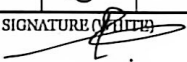
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026 2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

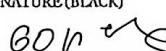


Date
2026/8/23

Group	408
Round	3
Board	5

WHITE Nur Aara Daniel							FED Mas			RESULT (W) 0	
BLACK Gong ziyixuan							FED chn			RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bd3	Nd4	41	gxf6	Ktfs	61	kg3	Nch3
2	Nf3	Nc6	22	Rc1	Nf3	42	c4	Nd4	62	Kh3	h5
3	d4	exd4	23	Kh1	b6	43	kg2	dxc4	63	Kh9	Nf3
4	Nxd4	Bc5	24	Nb5	Bb7	44	Rf1	Nf6	64	kg3	Nes
5	Be3	Qf6	25	Nd6	Bxb8	45	Rc1	b5	65	Kh4	Nf7
6	Nb5	Bxe3	26	Nxe8	Kxe8	46	d4	g6	66	kg3	g5
7	fex3	Oh4	27	Ba6	Nd4	47	gxbs	Rhob5	67	Kh3	Kd3
8	g3	Qxe4	28	kg1	Ng4	48	Rd1	Ke4	68	kg2	Ke3
9	Nxc7	Kd8	29	h3	Nf3	49	Ra1	Nh5	69	kg3	h4
10	Nxa8	Qxh1	30	Kf1	Nf6	50	Ra6	Nxf4	70	kg2	g4
11	Qd6	Nf6	31	Kf2	Nd4	51	Kh2	b4	71	Kh2	g3
12	Nc3	Qf3	32	Bd3	Be4	52	Rb6	b3	72	kg2	Khe2
13	Qc7+	Ke7	33	Bxe4	Nxe4	53	Rb4	Kf3	73	kg1	Kf3
14	Qf4	Qxf4	34	Ke3	Nc6	54	kg3	Nee	74	Kh1	g2
15	exP4	Kd8	35	Kf3	Ke7	55	Kh2	Kc2	75	Kh2	Kf2
16	Bg2	Re6	36	g4	Ke6	56	Rxc4	Kxb2	76	Kxh3	g1=Q
17	Kf2	Ng4	37	Re1	Nd4	57	Rb4	Kc3	77	Kh4	Qg3
18	kg1	Ne3	38	kg2	d5	58	Rxb3	Kxb3	78	Kh5	Qg5#
19	Be4	g6	39	cs	Nc6	59	kg2	NhNf4	79	0	-1
20	q3	f5	40	Kf3	h6	60	Kh2	Kc3	80		

SIGNATURE (WHITE)


SIGNATURE (BLACK)


SIGNATURE (ARBITER)


10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 15.8.23

Group 608
Round 3
Board 6

WHITE Tang, Yi-tong						FED		RESULT (W) 0			
BLACK HONG, Yi-Fan						FED		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Nc5	Bxc5	41	Be1	Kb4	61		
2	Nc3	Nc6	22	Bxc5	Bxa4	42	Kd2	Nb1	62		
3	Nf3	Nf6	23	Bxa4	Nc4	43	Kc1	Nc3	63		
4	e3	e6	24	Rh5	Qg7	44			64		
5	Be2	Be1	25	Rh3	Bb3	45			65		
6	O-O	O-O	26	Rf1	Qd2	46			66		
7	d4	Cxd4	27	Qc3	Qxc3	47			67		
8	exd4	d5	28	Rxc3	Rfc3	48			68		
9	b3	h6	29	h3	Rxc5	49			69		
10	Bb2	b6	30	Ba3	Rbc5	50			70		
11	Re1	Bb1	31	Rfc1	Kf8	51			71		
12	Bb2	Kc8	32	Be2	Ke1	52			72		
13	a3	Kh8	33	Bf3	Kd6	53			73		
14	Bc2	Nc6	34	Kd1	Nb2	54			74		
15	C5	Bxc5	35	Rxc5	Rxc5	55			75		
16	axc5	ab6	36	Rd4	Rc4	56			76		
17	Nd4	Rb3	37	Rxc4	Qxc4	57			77		
18	Rc1	Bc6	38	Be2	a5	58			78		
19	Bxf6	Bxf6	39	Kf1	Nxa3	59			79		
20	Qd3	g6	40	Ke1	Kc5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Tang, Yi-tong			Hong, Yi-Fan			JSH					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

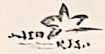


Date 8/23

Group 608
Round 3
Board 6

WHITE Hong, Yi-Fan						FED TPE		RESULT (W) 0			
BLACK Tang, Yin-tong						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Ne5	Bxe5	41	Bd1	Kb4	61		
2	Nc3	Nc6	22	Rxe5	Bxa4	42	Kd2	Nb1	62		
3	Nf3	Nf6	23	ba	Nc4	43	Kc1	Nc3	63		
4	e3	e6	24	Rh5	Kg7	44			64		
5	Be2	Be1	25	Rh3	Qg5	45			65		
6	O-O	O-O	26	Rf1	Qd2	46			66		
7	d4	cd	27	Qc3	Qxc3	47			67		
8	ed	d5	28	Rxc3	Rtc5	48			68		
9	b3	h6	29	h3	Rxc5	49			69		
10	Bd3	h6	30	Bd3	Rbc5	50			70		
11	Re1	Bb7	31	Rfc1	Kf8	51			71		
12	Bb2	Rc5	32	Be2	Ke7	52			72		
13	a3	Kh8	33	Bf3	Kd6	53			73		
14	Bc2	Na5	34	Rd1	Nb2	54			74		
15	C5	bc	35	Rxc5	Rxc5	55			75		
16	d6	a6	36	Rd4	Rc4	56			76		
17	Na4	Rb8	37	Rxc4	Qxc4	57			77		
18	Rc1	Bc6	38	Be2	a5	58			78		
19	Bxf6	Bxf6	39	Kf1	Nxa3	59			79		
20	Qd3	g6	40	Ke1	Kc5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Hong, Yi-Fan			Tang, Yin-tong			JSH					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

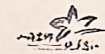


Date 8/23

Group G08
Round 3

WHITE oh.yeram						FED KOR		RESULT (W) 1			
BLACK wening, Pangestika Nirmana						FED INA		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rxd5	Re8	41	Rxd4	Ke6	61	Kg6	Kh8
2	Nf6	Nc6	22	Kd2	c6	42	Rd8	Ke6	62	Qh2	
3	Nc3	Bc5	23	Rd3	Qd4	43	Rc8	Kd1	63		
4	Nxe5	Nxe5	24	Kc1	Rxe4	44	Rg8	Kd6	64		
5	d4	Bb6	25	Qd2	axd2	45	Rxg6	Kd7	65		
6	dxe5	Bxe5	26	Rxd2	d5	46	Rf6	c5	66		
7	f4	Bd6	27	Kd1	Kg1	47	g5	Ke6	67		
8	Qg4	g6	28	Rc1	f5	48	S5	Kd1	68		
9	Bc4	Bc5	29	Rxe4	fxe4	49	g6	Ke6	69		
10	Qd1	b6	30	Re2	h5	50	g7	Kxf6	70		
11	Qd5	Qh4	31	h3	Kf6	51	g8=Q	Kxf5	71		
12	g3	Qe7	32	g4	h4	52	Qxe5	Kf6	72		
13	Qxe4	Qd8	33	Re3	Ke6	53	Kxe4	Kc7	73		
14	Qd5	Qe7	34	Rd3	a5	54	Qb6	Kf1	74		
15	Qd3	Nf6	35	Kd2	Kd6	55	Qd6	Kg1	75		
16	Be3	Bxe3	36	Ke3	Ke6	56	Qe6	c4	76		
17	Qxe3	O-O	37	Rd4	Kb6	57	c3	Kh1	77		
18	O-O-O	Bb7	38	b4	axb4	58	Qf6	Kg8	78		
19	Nd5	Nxe5	39	Rxb4	b5	59	Qe7	Kh8	79		
20	Bxd5	Bxd5	40	a4	bxa4	60	Kf5	Kg8	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
YUR			AM			SRI					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23-8
2026

Group G8
Round 3

WHITE oh.yeram						FED KOR		RESULT (W) 1			
BLACK pangestika Nirmana wening						FED INA		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rxd5	Re8	41	Rxd4	Ke6	61	Kg6	Kh8
2	Nf3	Nc6	22	Kd2	c6	42	Rd8	Ke7	62	Qh7	
3	Nc3	Bc5	23	Rd3	Qb4	43	Rc8	Kd7	63		
4	Nxe5	Nxe5	24	Kc1	Rxe4	44	Rg8	Ke6	64		
5	d4	Bd6	25	Qd2	Qxd2	45	Rxg6	Kd7	65		
6	dxe5	Bxe5	26	Rxd2	d5	46	Rf6	c5	66		
7	f4	Bd6	27	Kd1	Kg7	47	g5	Ke7	67		
8	Qg4	g6	28	Re1	f5	48	f5	Kd7	68		
9	Bc4	Bc5	29	Rxe4	fxe4	49	g6	Ke7	69		
10	Qd1	b6	30	Re2	h5	50	g7	Kxf6	70		
11	Qd5	Qh4	31	h3	Kf6	51	g8=Q	Kxf5	71		
12	g3	Qe7	32	g4	h4	52	Qxe5	Kf6	72		
13	Qxe4	Qd8	33	Re3	Ke6	53	Kxe4	Ke7	73		
14	Qd5	Qe7	34	Rd3	a5	54	Qc6	Kf7	74		
15	Qd3	Nf6	35	Kd2	Kd6	55	Qd6	Kg7	75		
16	Be3	Bxe3	36	Ke3	Ke6	56	Qe6	c4	76		
17	Qxe3	O-O	37	Rd4	Kd6	57	c3	Kh7	77		
18	O-O-O	Bb7	38	b4	axb4	58	Qf6	Kg8	78		
19	Nd5	Nxe5	39	Rxb4	b5	59	Qe7	Kh8	79		
20	Bxd5	Bxd5	40	a4	bxa4	60	Kf5	Kg8	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
YUR			AM			SRI					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23/05/2026 08

Group G08
Round 3
Board 8

WHITE Trúc						FED VIET NAM						RESULT (W) 0					
BLACK Prigzel Delgerdolai						FED MGL Mongolia						RESULT (B) 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	H3	MD3	41	XE5	VE5	61	Vd2	Hc3						
2	ME3	d6	22	xb1	B5	42	g6	ZD8	62	Vd1	Vb2						
3	Tb5+	Td7	23	MD1	MB2	43	Ve7	g5	63	Ve1	Td4						
4	Txd7+	Hxd7	24	Mxb2	Xc7	44	g4	TB6	64	VF1	HF1#						
5	c4	ME6	25	MD1	Xdc8	45	c5	Te5	65								
6	Nc3	q6	26	Me3	h6	46	VD3	VD5	66								
7	d4	cd	27	Xb1Xb2	b4	47	Vc2	Vc4	67								
8	Mxd4	Te7	28	Xc5	VF1	48	Ve2	Vc7	68								
9	O-O	O-O	29	F3	Tg5	49	FF4	VP1	69								
10	Hd3	Mc6	30	W2	F7	50	W3	VB1	70								
11	Mxc6	Hc6	31	Xd1	Fc	51	Ve2	VB2	71								
12	Xc1	Md7	32	XD6	pF	52	VD1	Vc2	72								
13	b3	TE6	33	VF3	XFP	53	Wc2	Vc3	73								
14	Tb1	XE08	34	Ve4	a5	54	VB1	VB3	74								
15	XE2	Xac5	35	Xa6	VE3	55	Va1	a4	75								
16	Xc2	Mc5	36	XF2	Ve6	56	VB1	a3	76								
17	HF3	MD7	37	XF8	Xc5	57	Va1	Tc5	77								
18	Hc3	a6	38	Vd4	Te3	58	VB1	Xc3	78								
19	Xc1	Hc5	39	Vd3	Tg5	59	Vc1	a1=H	79								
20	Hc5	Mc5	40	Xc8	VD6	60	Vd1	Hc3	80								
SIGNATURE (WHITE) Trúc						SIGNATURE (BLACK) Prigzel						SIGNATURE (ARBITER) S. S. 1					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026-8-23 8

Group G08
Round 3
Board 8

WHITE Hunh Thanh Truc						FED						RESULT (W) 0					
BLACK Nemundani D.						FED						RESULT (B) 1					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	~~h3~~	MD3	41	Tb5	He5	61	Hd2	Bc3						
2	ME3	d6	22	Tb1	b5	42	g3	Td8	62	Hd1	Bb2						
3	Tb5+	Td7	23	MD1	MB2	43	He4	g5	63	He1	Td4						
4	Td7+	Bd7	24	MB2	Td7	44	g4	Tb6+	64	Hx1	Bx2						
5	c4	ME6	25	MD1	Xdc8	45	c5	Te5	65								
6	Nc3	q6	26	Me3	h6	46	Hd3	Hd5	66								
7	d4	cd	27	Tb1	b4	47	Hc2	He4	67								
8	MD4	Te7	28	Hx1	Tc5	48	Hd2	Te3	68								
9	O-O	O-O	29	f3	Tg5	49	He2	Tx4	69								
10	Bd3	Mc6	30	He2	xe5	50	Hx2	Hd3	70								
11	Mc6	Bc6	31	Td1	xe	51	He1	Hc2	71								
12	Tb1	MD7	32	Td6	ef4	52	He2	Hb2	72								
13	b3	Tf6	33	Hx3	Tb8+	53	Hd1	Ha2	73								
14	Tb2	Tb8	34	He4	a5	54	Hc2	Ha3	74								
15	Tb2	Tb8	35	Tb6	Hx2	55	Hb1	Hb3	75								
16	Tb2	Mc5	36	Tb2	He6	56	Ha1	a4	76								
17	Bx3	MD7	37	Tb8	Tb5+	57	Hb1	a3	77								
18	Bc3	q6	38	Hd4	Te3+	58	Ha1	Te5+	78								
19	Tb1	Bc5	39	Hd3	Tg5	59	Hb1	a2+	79								
20	Bc5	Mc5	40	Tb8+	Hd6	60	Hc1	a1b+	80								
SIGNATURE (WHITE) Truc						SIGNATURE (BLACK) Hunh						SIGNATURE (ARBITER) S. S. 1					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23 Aug

Group G108

Round 3

Board 9

WHITE Icij Kanjai, Kannaphat						FED THA			RESULT (W) 1		
BLACK Ng, Yan Ning						FED SGP			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bg3	~~Qd7~~	41	h7	Kd3	61		
2	Nf3	Nc6	22	~~Qd7~~	Rae8	42	~~Rae8~~		62		
3	Nc3	Nf6	23	Kf2	Re8e7	43			63		
4	Bb5	Bb4	24	fxg4	~~gxf4~~	44			64		
5	d3	d6	25	~~Bb4~~	1ch7	45			65		
6	h3	0-0	26	Qb3	~~Qd7~~	46			66		
7	0-0	Re8	27	~~Qb3~~	Kxf6	47			67		
8	Bg5	Bxc3	28	Nf4	Bxc4	48			68		
9	bxc3	h6	29	Rxe4	Rxe4	49			69		
10	Rb4	a6	30	Rxe4	Rxe4	50			70		
11	Bxc6	bxc6	31	Qxc4	Qe6	51			71		
12	Rd1	~~Qd7~~	32	Qxe6	Kxe6	52			72		
13	d4	cxh4	33	Bxh6	Kf6	53			73		
14	cxh4	exh4	34	Bf2	a4	54			74		
15	Qxb4	Bb7	35	h4	~~Ke6~~	55			75		
16	nd2	ch	36	g4	f5	56			76		
17	Qd3	af5	37	gxf5	1xh5	57			77		
18	ch	Re6	38	1g3	Ke4	58			78		
19	Rab1	Bc6	39	h5	Kd4	59			79		
20	Re3	g5	40	h6	1xh4	60			80		
SIGNATURE (WHITE) kannaphat k.			SIGNATURE (BLACK) ~~Ng~~			SIGNATURE (ARBITER) SSh					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23/8/2026

Group G8

Round 3

Board 9

WHITE kannaphat k.						FED THA			RESULT (W) 1		
BLACK Ng, Yan Ning						FED SGP			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qd4	Re2	41	h7		61		
2	Nf3	Nc6	22	Re8	Kb2	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Re7	f4	43			63		
4	Bb5	Bb4	24	gxf4	Bxf4	44			64		
5	d3	d6	25	Kh7	e5	45			65		
6	h3	0-0	26	kg7	exf6	46			66		
7	0-0	Re8	27	Kxf6		47			67		
8	Bg5	Bxc3	28	Ne4	Bxe4	48			68		
9	bxc3	h6	29	Rxe4	Axe4	49			69		
10	Bh4	a6	30	Rxe4	Rxe4	50			70		
11	Bxc6	bxc6	31	Qxe4	Qe6	51			71		
12	Rfe2	c5	32	Qxe6	Kxe6	52			72		
13	d4	cxh4	33	Bxh6	Kf6	53			73		
14	cxh4	exh4	34	Bd2	a4	54			74		
15	Qxb4	Bb7	35	h4	kg6	55			75		
16	nd2	c5	36	~~Qd4~~	~~gxf5~~	56			76		
17	Qd3	a5	37	~~Qd4~~	~~gxf5~~	57			77		
18	c4	Re6	38	kg3	Re4	58			78		
19	Rb1	Ree3	39	h3	Kd4	59			79		
20	g5	Bg3	40	h6	Kxc4	60			80		
SIGNATURE (WHITE) kannaphat k.			SIGNATURE (BLACK) Y.N			SIGNATURE (ARBITER) SSh					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23 August

Group G 8
Round 3
Board 10

WHITE Lee Xin En Zoe						FED SGP		RESULT(W) 1			
BLACK Nishigawa Aona						FED JPN		RESULT(B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qa4 ^{1:14}	Bd6 ^{1:21}	41	Ra8 ^{1:12}	Kh7 ^{1:05}	61		
2	c4	e6	22	Nf3 ^{1:14}	Qd8 ^{1:11}	42	Rxb8 ^{1:22}	Kc6 ^{1:05}	62		
3	Nc3	Nf6	23	b4 ^{1:14}	Nc4 ^{1:16}	43	a4 ^{1:20}	Kf6 ^{1:05}	63		
4	Bg5	Be7	24	bs ^{1:14}	Nb2 ^{1:15}	44	a5 ^{1:13}	Kg5 ^{1:05}	64		
5	Nf3	Nc6	25	axa7 ^{1:14}	Nxd1 ^{1:14}	45	a6 ^{1:05}	Kg6 ^{1:05}	65		
6	c3	o-o	26	Rxd1 ^{1:14}	Bb4 ^{1:14}	46	a7 ^{1:13}	Kh7 ^{1:05}	66		
7	Bd3	b6	27	Na4 ^{1:14}	dxc4 ^{1:14}	47	a8=a7 ^{1:14}	g6 ^{1:06}	67		
8	o-o	Bb7	28	Ne5 ^{1:13}	cx6 ^{1:13}	48	Qa3 ^{1:13}	Kg7 ^{1:06}	68		
9	Qc2	h6	29	Nxb6 ^{1:13}	Bc6 ^{1:10}	49	Qe1 ^{1:14}		69		
10	Bh4	Qd7	30	Nxc6 ^{1:12}	Rxc6 ^{1:10}	50			70		
11	cxd5	exd5	31	Qb7 ^{1:11}	Qd8 ^{1:09}	51			71		
12	Qb3	Na5	32	Nc8 ^{1:11}	Re7 ^{1:09}	52			72		
13	Qc2	Rc8	33	Nxd6 ^{1:11}	Rxb7 ^{1:09}	53			73		
14	Bf5	Qd6	34	Nxb7 ^{1:11}	f5 ^{1:09}	54			74		
15	Bxc8	Rxc8	35	Rb1 ^{1:11}	Be3 ^{1:09}	55			75		
16	Bxt6	Qxf6	36	Rxb5 ^{1:11}	Bxd4 ^{1:09}	56			76		
17	e4	c6	37	Rxf3 ^{1:11}	e3 ^{1:08}	57			77		
18	Ra1	Ba6	38	fxe3 ^{1:11}	Bxc3 ^{1:08}	58			78		
19	Rfe1	Bb7	39	fxe3 ^{1:06}	Ba7 ^{1:06}	59			79		
20	Nes	Rc7	40	Ra5 ^{1:12}	Bb8 ^{1:05}	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
8			aona			SSY					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 23 Aug 2026

Group G 8
Round 3
Board 10

WHITE Lee Xin En Zoe						FED SGP		RESULT(W) 1			
BLACK Nishigawa Aona						FED JPN		RESULT(B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	~~Ne3~~ Qa4	Bd6	41	~~Ra8~~ Kh7		61		
2	c4	e6	22	Nf3	Qd8	42	Rxb8	Kc6	62		
3	Nc3	Nf6	23	~~a4~~ b4	Nc4	43	~~a5~~ Kf6		63		
4	~~Bg5~~ Bg5	Be7	24	~~axa7~~ axa7	Nxd1	44	~~a6~~ Kg5		64		
5	Nf3	Nc6	25	~~Rxd1~~ Rxd1	Bb4	45	~~a7~~ Kh7		65		
6	c3	o-o	26	~~Na4~~ Na4	dxc4	46	~~a8=a7~~ g6		66		
7	Bd3	b6	27	~~Ne5~~ Ne5	cx6	47	~~Qa3~~ Kg7		67		
8	o-o	Bb7	28	~~Nxb6~~ Nxb6	Bc6	48	~~Qe1~~ Qe1		68		
9	Qc2	h6	29	~~Nxc6~~ Nxc6	Rxc6	49	~~Qb7~~ Qb7		69		
10	Bh4	Qd7	30	~~cxd5~~ cxd5	exd5	50	~~Qb3~~ Na5		70		
11	cxd5	exd5	31	~~Qb7~~ Qb7	Re7	51	~~Nc8~~ Nc8		71		
12	Qb3	Na5	32	~~Nxd6~~ Nxd6	Rxb7	52	~~fxe3~~ fxe3		72		
13	Qc2	Rc8	33	~~Nxb7~~ Nxb7	f5	53	~~Bxc3~~ Bxc3		73		
14	Bf5	Qd6	34	~~Rxb5~~ Rxb5	Bxd4	54	~~Rxf3~~ Rxf3		74		
15	Bxc8	Rxc8	35	~~Ra1~~ Ra1	Be3	55	~~fxe3~~ fxe3		75		
16	Bxt6	Qxf6	36	~~Rxb5~~ Rxb5	Bxd4	56	~~Ba7~~ Ba7		76		
17	e4	c6	37	~~Rxf3~~ Rxf3	e3	57	~~Ba7~~ Ba7		77		
18	Ra1	Ba6	38	~~fxe3~~ fxe3	Bxc3	58	~~Ba7~~ Ba7		78		
19	Rfe1	Bb7	39	~~fxe3~~ fxe3	Ba7	59	~~Ba7~~ Ba7		79		
20	Nes	Rc7	40	~~Ra5~~ Ra5	Bb8	60	~~Bb8~~ Bb8		80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
8			aona			SSY					